

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1197 /SXD-NBĐS

Tây Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

V/v thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán đối với 1.411 căn hộ thuộc Tòa nhà C1.2, C1.3 và C2.1 Khu C thuộc Dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thăng Lợi Homes (là đại diện của Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central)

Thông qua Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Sở Xây dựng có tiếp nhận hồ sơ của Công ty Cổ phần Thăng Lợi Homes (là đại diện của Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central) (số biên nhận hồ sơ: H53.16-260123-170003) đề nghị thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán đối với 1.411 căn hộ thuộc Tòa nhà C1.2, C1.3 và C2.1 Khu C (479 căn hộ thuộc Tòa nhà C1.2, 485 căn hộ thuộc Tòa nhà C1.3 và 447 căn hộ thuộc Tòa nhà C2.1) thuộc Dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh) tại Thông báo ngày 22/01/2026 (đính kèm hồ sơ),

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Nghị định 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;



Giấy ủy quyền số 03/UQ-LD ngày 17/7/2025 của Liên danh Thắng Lợi Homes – An Cường – Central về việc Công ty Cổ phần Gỗ An Cường, Công ty Cổ phần Xây dựng Central ủy quyền cho Công ty Cổ phần Thắng Lợi Homes là thành viên đứng đầu Liên danh được đại diện cho Liên danh để thực hiện các thủ tục liên quan đến xây dựng, nhà ở và bất động sản.

Sau khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

I. Về thông tin dự án:

1. Tên dự án: Khu đô thị Bình An Đức Hòa - The Win City.

2. Địa điểm dự án: Xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh).

3. Tên chủ đầu tư: Liên danh Thắng Lợi Homes – An Cường – Central (Nhà đầu tư thứ nhất: Công ty Cổ phần Thắng Lợi Homes, Nhà đầu tư thứ hai: Công ty Cổ phần Gỗ An Cường và Nhà đầu tư thứ ba: Công ty Cổ phần Xây dựng Central).

4. Mục tiêu dự án: Đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khu đô thị nhằm kết nối hạ tầng đồng bộ khu vực theo quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt, phát triển nhà ở theo quy hoạch chi tiết (sản phẩm là chung cư thương mại).

5. Quy mô dự án:

- Diện tích sử dụng đất khoảng: 13,1753 ha.

- Tổng số lượng căn hộ: 5.502 căn hộ (theo Quyết định số 12405/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh).

6. Hạng mục công trình đề xuất được bán nhà ở hình thành trong tương lai (theo Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng số 3770/SXD-QLCLCT ngày 26/6/2025 và Giấy phép xây dựng số 1631/GPXD ngày 08/12/2025 của Sở Xây dựng): Tòa nhà C1.2, C1.3 và C2.1 Khu C thuộc Dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh, tổng số căn hộ: 1.411 căn; trong đó:

- Tòa nhà C1.2: 25 tầng (khối đế 4 tầng, khối tháp 21 tầng); 479 căn hộ; tổng diện tích sàn xây dựng 39.126,70 m².

- Tòa nhà C1.3: 28 tầng (khối đế 4 tầng, khối tháp 24 tầng); 485 căn hộ; tổng diện tích sàn xây dựng 42.317,30 m².

- Tòa nhà C2.1: 22 tầng (khối đế 4 tầng, khối tháp 18 tầng); 447 căn hộ; tổng diện tích sàn xây dựng 35.563,40 m².

7. Số căn hộ đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai đợt này: 1.411 căn hộ thuộc Tòa nhà C1.2, C1.3 và C2.1 Khu C (479 căn hộ thuộc Tòa nhà C1.2, 485 căn hộ thuộc Tòa nhà C1.3 và 447 căn hộ thuộc Tòa nhà C2.1) thuộc Dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh.

II. Pháp lý của dự án:

1. Thông tin pháp lý về hồ sơ thủ tục đầu tư của Dự án:

- Quyết định số 12405/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa, tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Quyết định số 13437/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về chấp thuận Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central là nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Văn bản số 5149/UBND-KTTC ngày 14/5/2025 của UBND tỉnh về việc bổ sung tên tiếng nước ngoài đối với Khu đô thị Bình An Đức Hòa tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa do Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central thực hiện.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp 1101894549 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/10/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 27/01/2026 cho Công ty Cổ phần Thăng Lợi Homes;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp 3700748131 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/9/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 08/9/2025 cho Công ty Cổ phần Gỗ An Cường;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp 0314476689 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/6/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 08/9/2025 cho Công ty Cổ phần Xây dựng Central.

2. Thông tin pháp lý về hồ sơ quy hoạch, thiết kế, xây dựng của Dự án:

- Quyết định số 3763/QĐ-UBND ngày 15/04/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Bình An Đức Hòa, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Văn bản số 3770/SXD-QLCLCT ngày 26/6/2025 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa.

- Văn bản số 127/TC-QC ngày 09/3/2022 của Cục Tác chiến – Bộ Tổng tham mưu về việc chấp thuận độ cao tính không xây dựng công trình.

- Văn bản số 57/TĐ-PCCC ngày 28/8/2025 của Phòng CS PCCC và CNCH – Công an tỉnh về việc thẩm định thiết kế về PCCC Khối chung cư thuộc khu C dự án Khu đô thị Bình An Đức Hoà (Tháp C1, C2: 28 tầng + 01 tầng kỹ thuật).

- Giấy phép xây dựng số 1631/GPXD ngày 08/12/2025 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty Cổ phần Thăng Lợi Homes (là đại diện của Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central) được phép xây dựng hạng mục công trình Hạ tầng kỹ thuật và các công trình thuộc Khu C dự án Khu đô thị Bình An Đức Hoà.

- Quyết định số 2706/QĐ-TLH ngày 27/6/2025 của Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central về việc phê duyệt dự án Khu đô thị Bình An Đức Hoà, dự án thành phần 01: Toàn bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung của dự án và các công trình thuộc Khu C.

- Quyết định số 17/QĐ-TLH ngày 09/9/2025 của Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án Khu đô thị Bình An Đức Hoà, công trình: Thiết kế kỹ thuật các công trình thuộc Khu C và Hạ tầng kỹ thuật toàn dự án.

- Thông báo khởi công xây dựng số 03/TB-TLH ngày 29/9/2025 của Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central đối với các công trình thuộc Khu C và hạ tầng kỹ thuật toàn dự án.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công hạng mục xây dựng phần móng Tòa nhà C1.2 số TWC/CEN/C1/BBNTHT/DM/02 ngày 22/01/2026, Tòa nhà C1.3 số TWC/CEN/C1/BBNTHT/DM/03 ngày 22/01/2026 và Tòa nhà C2.1 số TWC/CEN/C2/BBNTHT/DM/01 ngày 22/01/2026 giữa (đại diện Chủ đầu tư) Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central; Đại diện Liên danh Công ty Cổ phần Thăng Lợi Homes, (đại diện Tư vấn thiết kế) Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Ánh Sáng Phương Nam, (đại diện Tư vấn giám sát) Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Sài Gòn 2 và (đại diện nhà thầu thi công) Công ty Cổ phần xây dựng Central.

3. Thông tin pháp lý về đất đai của Dự án:

- Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao đất và cho Công ty Cổ phần Thăng Lợi Homes thuê đất.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 05797536 (số vào sổ cấp GCN: CT 2324), số AA 05797537 (số vào sổ cấp GCN: CT 2325), số AA 05797538 (số vào sổ cấp GCN: CT 2326), số AA 05797542 (số vào sổ cấp GCN: CT 2327), số AA 05797539 (số vào sổ cấp GCN: CT 2328), số AA 05797540 (số vào sổ cấp GCN: CT 2329), AA 05797541 (số vào sổ cấp GCN: CT 2330) được Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Thăng Lợi Homes ngày 22/12/2025.

4. Thông tin liên quan khác:

- Văn bản số 849/SGTVT-QLKCHT ngày 25/02/2025 của Sở Giao thông vận tải tỉnh về việc chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công nút giao đầu nối đường dẫn từ dự án Khu Đô thị Bình An Đức Hòa vào ĐT.825 tại lý trình Km2+232 bên trái tuyến.

- Văn bản số 04/CV-2025 ngày 24/3/2025 của Công ty TNHH TMSX XD Liên Minh về việc chấp thuận phương án đầu nối giao thông dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa.

- Văn bản số 151/ĐLĐHo-KHKT ngày 05/02/2025 của Điện lực Đức Hòa - Công ty Điện Lực Long An về việc phúc đáp vị trí đầu nối cấp điện dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa.

- Văn bản số 01/CV-PHL-2025 ngày 06/01/2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hưng Long về việc chấp thuận đầu nối cung cấp nước sạch cho dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Giấy phép môi trường số 8317/GPMT-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện Đức Hòa về cấp phép cho Công ty Cổ phần Thăng Lợi Homes (là đại diện của Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central) địa chỉ tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 14, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Khu đô thị Bình An Đức Hòa”.

- Văn bản số 6516/SXD-NBĐS ngày 25/12/2025 của Sở Xây dựng về thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán đối với 964 căn hộ thuộc Tòa nhà C2.2 và Tòa nhà C2.3 Khu C thuộc Dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh).

III. Thông tin về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán Tòa nhà C1.2, C1.3 và C2.1 Khu C thuộc Dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City:

- Số lượng: 1.411 căn hộ.

- Diện tích khu đất xây dựng: 18.385 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 05797540 (số vào sổ cấp GCN: CT 2329), AA 05797541 (số vào sổ cấp GCN: CT 2330)).

- Tổng diện tích sàn sử dụng căn hộ (thông thủy): 75.414,90 m².

- Danh sách các căn hộ đính kèm.

IV. Điều kiện của nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng để được bán:

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 24 và Điều 83 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; Điều 8 và Điều 38 Nghị định 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ và các quy định liên quan khác có liên quan; Biên bản

kiểm tra bất động sản hình thành trong tương lai ngày 27/01/2026 của Sở Xây dựng và đề nghị của Công ty Cổ phần Thăng Lợi Homes (là đại diện của Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central) tại Thông báo ngày 22/01/2026 đề nghị thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán đối với đối với 1.411 căn hộ thuộc Tòa nhà C1.2, C1.3 và C2.1 Khu C thuộc Dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, thì thành phần hồ sơ thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán tại Tòa nhà C1.2, C1.3 và C2.1 Khu C thuộc Dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City do Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central làm chủ đầu tư nộp cơ bản đầy đủ theo quy định tại Điều 8 Nghị định 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 24 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

V. Trách nhiệm của Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central và các đơn vị có liên quan:

1. Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central (Chủ đầu tư):

- Chịu trách nhiệm về các thông tin về dự án, chủ đầu tư, nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh tại Thông báo ngày 22/01/2026 đảm bảo đầy đủ, chính xác, trung thực.

- Chịu trách nhiệm về bảo đảm nhà ở hình thành trong tương lai đối với 1.411 căn hộ thuộc Tòa nhà C1.2, C1.3 và C2.1 Khu C thuộc Dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh đã đáp ứng đủ điều kiện để được bán theo quy định tại Điều 24 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

- Ký hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai đối với 1.411 căn hộ thuộc Tòa nhà C1.2, C1.3 và C2.1 Khu C thuộc Dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh tuân thủ quy định và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản. Trước khi ký hợp đồng mua bán nhà ở với khách hàng, Chủ đầu tư phải tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 183 Luật Nhà ở năm 2023 và thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Thông báo ngày 22/01/2026 (nếu có thể chấp).

- Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp cho khách hàng văn bản thông báo nhà ở đủ điều kiện được bán khi ký hợp đồng mua bán nhà ở.

- Hợp đồng mua bán nhà ở thực hiện theo quy định tại Điều 44, Điều 45, Điều 46 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; Điều 12 Nghị định 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Việc bán nhà ở cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 Luật Nhà ở năm 2023 và Điều 4, Điều 5, Điều 7 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

- Thực hiện việc thanh toán trong mua bán nhà ở hình thành trong tương lai được thực hiện nhiều lần, lần đầu không quá 30% giá trị hợp đồng bao gồm cả tiền đặt cọc, những lần tiếp theo phải phù hợp với tiến độ xây dựng nhưng tổng số không quá 70% giá trị hợp đồng khi chưa bàn giao nhà ở cho bên mua và không được thu quá 95% giá trị hợp đồng khi bên mua chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Chỉ được thu tiền đặt cọc không quá 05% giá bán nhà ở từ bên đặt cọc khi nhà ở đã có đủ các điều kiện đưa vào kinh doanh theo quy định tại Khoản 5 Điều 23; Khoản 1, Khoản 3 Điều 25 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

- Sử dụng tiền đã thu từ bên mua để đầu tư xây dựng dự án, nhà ở đã được bán, đúng mục đích sử dụng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết; tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 23 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

- Công khai đầy đủ, trung thực và chính xác thông tin về nhà ở hình thành trong tương lai đối với 1.411 căn hộ thuộc Tòa nhà C1.2, C1.3 và C2.1 Khu C thuộc Dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh có đủ điều kiện đưa vào kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và Điều 4 Nghị định 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ trên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản và trên trang thông tin điện tử của Công ty, sản giao dịch bất động sản và phải được cập nhật khi có sự thay đổi trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày thông tin có sự thay đổi, cụ thể:

+ Hồ sơ có liên quan đến Dự án;

+ Loại bất động sản; vị trí, quy mô, tiến độ xây dựng, công năng sử dụng của bất động sản;

+ Thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đã được thẩm định theo quy định của pháp luật về xây dựng; giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải cấp giấy phép xây dựng; thông báo khởi công xây dựng công trình; giấy tờ về nghiệm thu việc đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật về xây dựng tương ứng theo tiến độ dự án;

+ Giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Kinh doanh bất động sản;

+ Thỏa thuận cấp bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai;

+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán;

+ Các hạn chế về quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản (nếu có); việc thế chấp nhà ở, quyền sử dụng đất, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh.

- Thực hiện chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về dự án bất động sản theo quy định tại khoản 4 Điều 15, Điều 17, Điều 25, Điều 26 Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản, gửi về Sở Xây dựng để cập nhật, tổng hợp, theo dõi theo thẩm quyền theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

- Liên danh Thăng Lợi Homes – An Cường – Central chịu trách nhiệm liên quan đến việc bán nhà ở hình thành trong tương lai đối với 1.411 căn hộ thuộc thuộc Tòa nhà C1.2, C1.3 và C2.1 Khu C thuộc Dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh và các nghĩa vụ tài chính có liên quan (nếu có) theo đúng quy định pháp luật.

- Triển khai và hoàn thành dự án theo tiến độ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 13437/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về chấp thuận nhà đầu tư.

- Triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, nhà ở, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và pháp luật có liên quan; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ đầu tư, bên bán nhà ở theo quy định tại Điều 17, Điều 19 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, Điều 39 Luật Nhà ở năm 2023 và các quy định pháp luật có liên quan. Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trường hợp để xảy ra sai phạm trong việc đầu tư xây dựng dự án, kinh doanh bất động sản tại dự án.

- Chịu trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Điều 8, Điều 11, Điều 14, Điều 17, Điều 18, Điều 23, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 46 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; khoản 3 Điều 181, khoản 2 Điều 183 Luật Nhà ở năm 2023 và Điều 22, Điều 23 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

2. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phối hợp các nội dung liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các nội dung quản lý lĩnh vực ngành theo thẩm quyền được phân cấp trong quá trình triển khai dự án đối với dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3. Đề nghị UBND xã Đức Hòa theo dõi, kiểm tra và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung quản lý theo thẩm quyền được phân cấp trong quá trình triển khai dự án đối với dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh theo quy định.

4. Sở Xây dựng theo dõi, kiểm tra và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung quản lý theo thẩm quyền được phân cấp trong quá trình triển khai dự án đối với dự án Khu đô thị Bình An Đức Hòa – The Win City, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh theo quy định.

Sở Xây dựng thông tin đến Liên danh Thắng Lợi Homes – An Cường – Central biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Đức Hòa;
- Ban GD Sở XD;
- Văn phòng Sở (đăng Website);
- Phòng QLNTT&BDS (cập nhật trên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường BDS);
- Lưu: VT, NBDS, Mai.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Trang



(Đính kèm văn bản số 1197/SXD-NBĐS ngày 30/01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Tòa	Tầng	Số Căn Hộ	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
Tổng						82,342.60	75,414.90
Tòa C1.2						27,615.20	25,264.30
1	C1.2	1+2	1	C1.2-01-01	Căn hộ ở	138.4	129.0
2	C1.2	1+2	1	C1.2-01-02	Căn hộ ở	217.9	204.2
3	C1.2	1	1	C1.2-01-03	Căn hộ ở	74.4	68.0
4	C1.2	1	1	C1.2-01-04	Căn hộ ở	63.6	59.2
5	C1.2	1	1	C1.2-01-05	Căn hộ ở	63.6	59.2
6	C1.2	1	1	C1.2-01-06	Căn hộ ở	63.6	59.0
7	C1.2	1	1	C1.2-01-07	Căn hộ ở	40.2	37.2
8	C1.2	1	1	C1.2-01-08	Căn hộ ở	48.2	44.0
9	C1.2	1	1	C1.2-01-09	Căn hộ ở	63.6	59.2
10	C1.2	1	1	C1.2-01-10	Căn hộ ở	70.1	64.4
11	C1.2	1+2	1	C1.2-01-11	Căn hộ ở	133.7	123.6
12	C1.2	1+2	1	C1.2-01-12	Căn hộ ở	132.5	123.4
13	C1.2	1+2	1	C1.2-01-13	Căn hộ ở	134.1	124.4
14	C1.2	1+2	1	C1.2-01-14	Căn hộ ở	130.8	122.2
15	C1.2	1+2	1	C1.2-01-15	Căn hộ ở	132.5	122.4
16	C1.2	1+2	1	C1.2-01-16	Căn hộ ở	132.5	123.4
17	C1.2	1+2	1	C1.2-01-17	Căn hộ ở	134.7	126.1
18	C1.2	5	1	C1.2-05-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
19	C1.2	5	1	C1.2-05-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
20	C1.2	5	1	C1.2-05-03	Căn hộ ở	65.6	59.8
21	C1.2	5	1	C1.2-05-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
22	C1.2	5	1	C1.2-05-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
23	C1.2	5	1	C1.2-05-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
24	C1.2	5	1	C1.2-05-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
25	C1.2	5	1	C1.2-05-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
26	C1.2	5	1	C1.2-05-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
27	C1.2	5	1	C1.2-05-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
28	C1.2	5	1	C1.2-05-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
29	C1.2	5	1	C1.2-05-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
30	C1.2	5	1	C1.2-05-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
31	C1.2	5	1	C1.2-05-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
32	C1.2	5	1	C1.2-05-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
33	C1.2	5	1	C1.2-05-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
34	C1.2	5	1	C1.2-05-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
35	C1.2	5	1	C1.2-05-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
36	C1.2	5	1	C1.2-05-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
37	C1.2	5	1	C1.2-05-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
38	C1.2	5	1	C1.2-05-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
39	C1.2	5	1	C1.2-05-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
40	C1.2	6	1	C1.2-06-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
41	C1.2	6	1	C1.2-06-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
42	C1.2	6	1	C1.2-06-03	Căn hộ ở	65.6	59.8

(Đính kèm văn bản số 1197/SXD-NBĐS ngày 30/01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Tòa	Tầng	Số Căn Hộ	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
43	C1.2	6	1	C1.2-06-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
44	C1.2	6	1	C1.2-06-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
45	C1.2	6	1	C1.2-06-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
46	C1.2	6	1	C1.2-06-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
47	C1.2	6	1	C1.2-06-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
48	C1.2	6	1	C1.2-06-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
49	C1.2	6	1	C1.2-06-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
50	C1.2	6	1	C1.2-06-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
51	C1.2	6	1	C1.2-06-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
52	C1.2	6	1	C1.2-06-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
53	C1.2	6	1	C1.2-06-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
54	C1.2	6	1	C1.2-06-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
55	C1.2	6	1	C1.2-06-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
56	C1.2	6	1	C1.2-06-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
57	C1.2	6	1	C1.2-06-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
58	C1.2	6	1	C1.2-06-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
59	C1.2	6	1	C1.2-06-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
60	C1.2	6	1	C1.2-06-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
61	C1.2	6	1	C1.2-06-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
62	C1.2	7	1	C1.2-07-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
63	C1.2	7	1	C1.2-07-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
64	C1.2	7	1	C1.2-07-03	Căn hộ ở	65.6	59.8
65	C1.2	7	1	C1.2-07-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
66	C1.2	7	1	C1.2-07-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
67	C1.2	7	1	C1.2-07-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
68	C1.2	7	1	C1.2-07-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
69	C1.2	7	1	C1.2-07-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
70	C1.2	7	1	C1.2-07-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
71	C1.2	7	1	C1.2-07-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
72	C1.2	7	1	C1.2-07-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
73	C1.2	7	1	C1.2-07-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
74	C1.2	7	1	C1.2-07-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
75	C1.2	7	1	C1.2-07-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
76	C1.2	7	1	C1.2-07-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
77	C1.2	7	1	C1.2-07-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
78	C1.2	7	1	C1.2-07-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
79	C1.2	7	1	C1.2-07-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
80	C1.2	7	1	C1.2-07-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
81	C1.2	7	1	C1.2-07-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
82	C1.2	7	1	C1.2-07-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
83	C1.2	7	1	C1.2-07-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
84	C1.2	8	1	C1.2-08-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
85	C1.2	8	1	C1.2-08-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
86	C1.2	8	1	C1.2-08-03	Căn hộ ở	65.6	59.8

(Đính kèm văn bản số 1197/SXD-NBĐS ngày 30/01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Tòa	Tầng	Số Căn Hộ	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
87	C1.2	8	1	C1.2-08-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
88	C1.2	8	1	C1.2-08-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
89	C1.2	8	1	C1.2-08-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
90	C1.2	8	1	C1.2-08-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
91	C1.2	8	1	C1.2-08-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
92	C1.2	8	1	C1.2-08-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
93	C1.2	8	1	C1.2-08-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
94	C1.2	8	1	C1.2-08-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
95	C1.2	8	1	C1.2-08-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
96	C1.2	8	1	C1.2-08-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
97	C1.2	8	1	C1.2-08-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
98	C1.2	8	1	C1.2-08-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
99	C1.2	8	1	C1.2-08-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
100	C1.2	8	1	C1.2-08-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
101	C1.2	8	1	C1.2-08-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
102	C1.2	8	1	C1.2-08-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
103	C1.2	8	1	C1.2-08-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
104	C1.2	8	1	C1.2-08-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
105	C1.2	8	1	C1.2-08-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
106	C1.2	9	1	C1.2-09-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
107	C1.2	9	1	C1.2-09-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
108	C1.2	9	1	C1.2-09-03	Căn hộ ở	65.6	59.8
109	C1.2	9	1	C1.2-09-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
110	C1.2	9	1	C1.2-09-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
111	C1.2	9	1	C1.2-09-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
112	C1.2	9	1	C1.2-09-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
113	C1.2	9	1	C1.2-09-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
114	C1.2	9	1	C1.2-09-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
115	C1.2	9	1	C1.2-09-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
116	C1.2	9	1	C1.2-09-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
117	C1.2	9	1	C1.2-09-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
118	C1.2	9	1	C1.2-09-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
119	C1.2	9	1	C1.2-09-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
120	C1.2	9	1	C1.2-09-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
121	C1.2	9	1	C1.2-09-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
122	C1.2	9	1	C1.2-09-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
123	C1.2	9	1	C1.2-09-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
124	C1.2	9	1	C1.2-09-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
125	C1.2	9	1	C1.2-09-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
126	C1.2	9	1	C1.2-09-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
127	C1.2	9	1	C1.2-09-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
128	C1.2	10	1	C1.2-10-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
129	C1.2	10	1	C1.2-10-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
130	C1.2	10	1	C1.2-10-03	Căn hộ ở	65.6	59.8

(Đính kèm văn bản số 1197/SXD-NBDS ngày 30/01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Tòa	Tầng	Số Căn Hộ	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
131	C1.2	10	1	C1.2-10-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
132	C1.2	10	1	C1.2-10-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
133	C1.2	10	1	C1.2-10-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
134	C1.2	10	1	C1.2-10-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
135	C1.2	10	1	C1.2-10-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
136	C1.2	10	1	C1.2-10-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
137	C1.2	10	1	C1.2-10-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
138	C1.2	10	1	C1.2-10-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
139	C1.2	10	1	C1.2-10-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
140	C1.2	10	1	C1.2-10-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
141	C1.2	10	1	C1.2-10-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
142	C1.2	10	1	C1.2-10-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
143	C1.2	10	1	C1.2-10-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
144	C1.2	10	1	C1.2-10-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
145	C1.2	10	1	C1.2-10-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
146	C1.2	10	1	C1.2-10-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
147	C1.2	10	1	C1.2-10-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
148	C1.2	10	1	C1.2-10-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
149	C1.2	10	1	C1.2-10-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
150	C1.2	11	1	C1.2-11-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
151	C1.2	11	1	C1.2-11-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
152	C1.2	11	1	C1.2-11-03	Căn hộ ở	65.6	59.8
153	C1.2	11	1	C1.2-11-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
154	C1.2	11	1	C1.2-11-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
155	C1.2	11	1	C1.2-11-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
156	C1.2	11	1	C1.2-11-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
157	C1.2	11	1	C1.2-11-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
158	C1.2	11	1	C1.2-11-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
159	C1.2	11	1	C1.2-11-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
160	C1.2	11	1	C1.2-11-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
161	C1.2	11	1	C1.2-11-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
162	C1.2	11	1	C1.2-11-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
163	C1.2	11	1	C1.2-11-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
164	C1.2	11	1	C1.2-11-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
165	C1.2	11	1	C1.2-11-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
166	C1.2	11	1	C1.2-11-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
167	C1.2	11	1	C1.2-11-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
168	C1.2	11	1	C1.2-11-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
169	C1.2	11	1	C1.2-11-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
170	C1.2	11	1	C1.2-11-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
171	C1.2	11	1	C1.2-11-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
172	C1.2	12	1	C1.2-12-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
173	C1.2	12	1	C1.2-12-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
174	C1.2	12	1	C1.2-12-03	Căn hộ ở	65.6	59.8

(Đính kèm văn bản số 1197/SXD-NBDS ngày 30/01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Tòa	Tầng	Số Căn Hộ	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
175	C1.2	12	1	C1.2-12-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
176	C1.2	12	1	C1.2-12-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
177	C1.2	12	1	C1.2-12-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
178	C1.2	12	1	C1.2-12-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
179	C1.2	12	1	C1.2-12-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
180	C1.2	12	1	C1.2-12-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
181	C1.2	12	1	C1.2-12-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
182	C1.2	12	1	C1.2-12-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
183	C1.2	12	1	C1.2-12-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
184	C1.2	12	1	C1.2-12-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
185	C1.2	12	1	C1.2-12-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
186	C1.2	12	1	C1.2-12-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
187	C1.2	12	1	C1.2-12-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
188	C1.2	12	1	C1.2-12-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
189	C1.2	12	1	C1.2-12-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
190	C1.2	12	1	C1.2-12-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
191	C1.2	12	1	C1.2-12-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
192	C1.2	12	1	C1.2-12-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
193	C1.2	12	1	C1.2-12-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
194	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
195	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
196	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-03	Căn hộ ở	65.6	59.8
197	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
198	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
199	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
200	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
201	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
202	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
203	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
204	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
205	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
206	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
207	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
208	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
209	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
210	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
211	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
212	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
213	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
214	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
215	C1.2	13 (12A)	1	C1.2-12A-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
216	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
217	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
218	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-03	Căn hộ ở	65.6	59.8

(Đính kèm văn bản số 1197/SXD-NBĐS ngày 30/01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Tòa	Tầng	Số Căn Hộ	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
219	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
220	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
221	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
222	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
223	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
224	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
225	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
226	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
227	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
228	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
229	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
230	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
231	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
232	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
233	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
234	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
235	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
236	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
237	C1.2	14 (12B)	1	C1.2-12B-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
238	C1.2	15	1	C1.2-15-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
239	C1.2	15	1	C1.2-15-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
240	C1.2	15	1	C1.2-15-03	Căn hộ ở	65.6	59.8
241	C1.2	15	1	C1.2-15-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
242	C1.2	15	1	C1.2-15-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
243	C1.2	15	1	C1.2-15-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
244	C1.2	15	1	C1.2-15-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
245	C1.2	15	1	C1.2-15-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
246	C1.2	15	1	C1.2-15-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
247	C1.2	15	1	C1.2-15-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
248	C1.2	15	1	C1.2-15-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
249	C1.2	15	1	C1.2-15-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
250	C1.2	15	1	C1.2-15-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
251	C1.2	15	1	C1.2-15-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
252	C1.2	15	1	C1.2-15-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
253	C1.2	15	1	C1.2-15-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
254	C1.2	15	1	C1.2-15-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
255	C1.2	15	1	C1.2-15-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
256	C1.2	15	1	C1.2-15-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
257	C1.2	15	1	C1.2-15-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
258	C1.2	15	1	C1.2-15-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
259	C1.2	15	1	C1.2-15-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
260	C1.2	16	1	C1.2-16-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
261	C1.2	16	1	C1.2-16-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
262	C1.2	16	1	C1.2-16-03	Căn hộ ở	65.6	59.8

(Đính kèm văn bản số 1197/SXD-NBDS ngày 30/01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Tòa	Tầng	Số Căn Hộ	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
263	C1.2	16	1	C1.2-16-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
264	C1.2	16	1	C1.2-16-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
265	C1.2	16	1	C1.2-16-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
266	C1.2	16	1	C1.2-16-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
267	C1.2	16	1	C1.2-16-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
268	C1.2	16	1	C1.2-16-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
269	C1.2	16	1	C1.2-16-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
270	C1.2	16	1	C1.2-16-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
271	C1.2	16	1	C1.2-16-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
272	C1.2	16	1	C1.2-16-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
273	C1.2	16	1	C1.2-16-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
274	C1.2	16	1	C1.2-16-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
275	C1.2	16	1	C1.2-16-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
276	C1.2	16	1	C1.2-16-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
277	C1.2	16	1	C1.2-16-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
278	C1.2	16	1	C1.2-16-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
279	C1.2	16	1	C1.2-16-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
280	C1.2	16	1	C1.2-16-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
281	C1.2	16	1	C1.2-16-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
282	C1.2	17	1	C1.2-17-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
283	C1.2	17	1	C1.2-17-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
284	C1.2	17	1	C1.2-17-03	Căn hộ ở	65.6	59.8
285	C1.2	17	1	C1.2-17-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
286	C1.2	17	1	C1.2-17-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
287	C1.2	17	1	C1.2-17-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
288	C1.2	17	1	C1.2-17-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
289	C1.2	17	1	C1.2-17-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
290	C1.2	17	1	C1.2-17-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
291	C1.2	17	1	C1.2-17-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
292	C1.2	17	1	C1.2-17-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
293	C1.2	17	1	C1.2-17-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
294	C1.2	17	1	C1.2-17-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
295	C1.2	17	1	C1.2-17-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
296	C1.2	17	1	C1.2-17-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
297	C1.2	17	1	C1.2-17-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
298	C1.2	17	1	C1.2-17-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
299	C1.2	17	1	C1.2-17-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
300	C1.2	17	1	C1.2-17-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
301	C1.2	17	1	C1.2-17-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
302	C1.2	17	1	C1.2-17-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
303	C1.2	17	1	C1.2-17-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
304	C1.2	18	1	C1.2-18-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
305	C1.2	18	1	C1.2-18-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
306	C1.2	18	1	C1.2-18-03	Căn hộ ở	65.6	59.8

(Đính kèm văn bản số 1197/SXD-NBĐS ngày 30/01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Tòa	Tầng	Số Căn Hộ	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
307	C1.2	18	1	C1.2-18-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
308	C1.2	18	1	C1.2-18-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
309	C1.2	18	1	C1.2-18-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
310	C1.2	18	1	C1.2-18-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
311	C1.2	18	1	C1.2-18-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
312	C1.2	18	1	C1.2-18-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
313	C1.2	18	1	C1.2-18-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
314	C1.2	18	1	C1.2-18-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
315	C1.2	18	1	C1.2-18-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
316	C1.2	18	1	C1.2-18-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
317	C1.2	18	1	C1.2-18-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
318	C1.2	18	1	C1.2-18-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
319	C1.2	18	1	C1.2-18-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
320	C1.2	18	1	C1.2-18-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
321	C1.2	18	1	C1.2-18-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
322	C1.2	18	1	C1.2-18-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
323	C1.2	18	1	C1.2-18-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
324	C1.2	18	1	C1.2-18-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
325	C1.2	18	1	C1.2-18-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
326	C1.2	19	1	C1.2-19-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
327	C1.2	19	1	C1.2-19-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
328	C1.2	19	1	C1.2-19-03	Căn hộ ở	65.6	59.8
329	C1.2	19	1	C1.2-19-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
330	C1.2	19	1	C1.2-19-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
331	C1.2	19	1	C1.2-19-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
332	C1.2	19	1	C1.2-19-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
333	C1.2	19	1	C1.2-19-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
334	C1.2	19	1	C1.2-19-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
335	C1.2	19	1	C1.2-19-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
336	C1.2	19	1	C1.2-19-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
337	C1.2	19	1	C1.2-19-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
338	C1.2	19	1	C1.2-19-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
339	C1.2	19	1	C1.2-19-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
340	C1.2	19	1	C1.2-19-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
341	C1.2	19	1	C1.2-19-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
342	C1.2	19	1	C1.2-19-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
343	C1.2	19	1	C1.2-19-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
344	C1.2	19	1	C1.2-19-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
345	C1.2	19	1	C1.2-19-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
346	C1.2	19	1	C1.2-19-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
347	C1.2	19	1	C1.2-19-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
348	C1.2	20	1	C1.2-20-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
349	C1.2	20	1	C1.2-20-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
350	C1.2	20	1	C1.2-20-03	Căn hộ ở	65.6	59.8

(Đính kèm văn bản số 1197/SXD-NBĐS ngày 30/01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Tòa	Tầng	Số Căn Hộ	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
351	C1.2	20	1	C1.2-20-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
352	C1.2	20	1	C1.2-20-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
353	C1.2	20	1	C1.2-20-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
354	C1.2	20	1	C1.2-20-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
355	C1.2	20	1	C1.2-20-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
356	C1.2	20	1	C1.2-20-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
357	C1.2	20	1	C1.2-20-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
358	C1.2	20	1	C1.2-20-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
359	C1.2	20	1	C1.2-20-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
360	C1.2	20	1	C1.2-20-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
361	C1.2	20	1	C1.2-20-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
362	C1.2	20	1	C1.2-20-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
363	C1.2	20	1	C1.2-20-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
364	C1.2	20	1	C1.2-20-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
365	C1.2	20	1	C1.2-20-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
366	C1.2	20	1	C1.2-20-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
367	C1.2	20	1	C1.2-20-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
368	C1.2	20	1	C1.2-20-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
369	C1.2	20	1	C1.2-20-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
370	C1.2	21	1	C1.2-21-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
371	C1.2	21	1	C1.2-21-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
372	C1.2	21	1	C1.2-21-03	Căn hộ ở	65.6	59.8
373	C1.2	21	1	C1.2-21-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
374	C1.2	21	1	C1.2-21-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
375	C1.2	21	1	C1.2-21-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
376	C1.2	21	1	C1.2-21-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
377	C1.2	21	1	C1.2-21-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
378	C1.2	21	1	C1.2-21-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
379	C1.2	21	1	C1.2-21-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
380	C1.2	21	1	C1.2-21-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
381	C1.2	21	1	C1.2-21-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
382	C1.2	21	1	C1.2-21-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
383	C1.2	21	1	C1.2-21-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
384	C1.2	21	1	C1.2-21-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
385	C1.2	21	1	C1.2-21-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
386	C1.2	21	1	C1.2-21-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
387	C1.2	21	1	C1.2-21-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
388	C1.2	21	1	C1.2-21-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
389	C1.2	21	1	C1.2-21-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
390	C1.2	21	1	C1.2-21-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
391	C1.2	21	1	C1.2-21-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
392	C1.2	22	1	C1.2-22-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
393	C1.2	22	1	C1.2-22-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
394	C1.2	22	1	C1.2-22-03	Căn hộ ở	65.6	59.8

(Đính kèm văn bản số 1197/SXD-NBĐS ngày 30/01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Tòa	Tầng	Số Căn Hộ	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
395	C1.2	22	1	C1.2-22-04	Căn hộ ở	68.3	62.3
396	C1.2	22	1	C1.2-22-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
397	C1.2	22	1	C1.2-22-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
398	C1.2	22	1	C1.2-22-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
399	C1.2	22	1	C1.2-22-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
400	C1.2	22	1	C1.2-22-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
401	C1.2	22	1	C1.2-22-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
402	C1.2	22	1	C1.2-22-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
403	C1.2	22	1	C1.2-22-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
404	C1.2	22	1	C1.2-22-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
405	C1.2	22	1	C1.2-22-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
406	C1.2	22	1	C1.2-22-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
407	C1.2	22	1	C1.2-22-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
408	C1.2	22	1	C1.2-22-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
409	C1.2	22	1	C1.2-22-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
410	C1.2	22	1	C1.2-22-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
411	C1.2	22	1	C1.2-22-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
412	C1.2	22	1	C1.2-22-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
413	C1.2	22	1	C1.2-22-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
414	C1.2	23	1	C1.2-23-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
415	C1.2	23	1	C1.2-23-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
416	C1.2	23	1	C1.2-23-03	Căn hộ ở	65.6	59.8
417	C1.2	23	1	C1.2-23-04	Căn hộ ở	70.5	64.0
418	C1.2	23	1	C1.2-23-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
419	C1.2	23	1	C1.2-23-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
420	C1.2	23	1	C1.2-23-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
421	C1.2	23	1	C1.2-23-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
422	C1.2	23	1	C1.2-23-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
423	C1.2	23	1	C1.2-23-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
424	C1.2	23	1	C1.2-23-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
425	C1.2	23	1	C1.2-23-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
426	C1.2	23	1	C1.2-23-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
427	C1.2	23	1	C1.2-23-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
428	C1.2	23	1	C1.2-23-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
429	C1.2	23	1	C1.2-23-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
430	C1.2	23	1	C1.2-23-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
431	C1.2	23	1	C1.2-23-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
432	C1.2	23	1	C1.2-23-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
433	C1.2	23	1	C1.2-23-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
434	C1.2	23	1	C1.2-23-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
435	C1.2	23	1	C1.2-23-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
436	C1.2	24	1	C1.2-24-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
437	C1.2	24	1	C1.2-24-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
438	C1.2	24	1	C1.2-24-03	Căn hộ ở	65.6	59.8

(Đính kèm văn bản số 1197/SXD-NBĐS ngày 30/01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Tòa	Tầng	Số Căn Hộ	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
439	C1.2	24	1	C1.2-24-04	Căn hộ ở	70.5	64.0
440	C1.2	24	1	C1.2-24-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
441	C1.2	24	1	C1.2-24-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
442	C1.2	24	1	C1.2-24-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
443	C1.2	24	1	C1.2-24-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
444	C1.2	24	1	C1.2-24-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
445	C1.2	24	1	C1.2-24-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
446	C1.2	24	1	C1.2-24-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
447	C1.2	24	1	C1.2-24-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
448	C1.2	24	1	C1.2-24-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
449	C1.2	24	1	C1.2-24-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
450	C1.2	24	1	C1.2-24-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
451	C1.2	24	1	C1.2-24-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
452	C1.2	24	1	C1.2-24-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
453	C1.2	24	1	C1.2-24-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
454	C1.2	24	1	C1.2-24-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
455	C1.2	24	1	C1.2-24-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
456	C1.2	24	1	C1.2-24-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
457	C1.2	24	1	C1.2-24-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
458	C1.2	25	1	C1.2-25-01	Căn hộ ở	70.5	64.2
459	C1.2	25	1	C1.2-25-02	Căn hộ ở	65.6	59.8
460	C1.2	25	1	C1.2-25-03	Căn hộ ở	65.6	59.8
461	C1.2	25	1	C1.2-25-04	Căn hộ ở	70.5	64.0
462	C1.2	25	1	C1.2-25-05	Căn hộ ở	70.5	64.2
463	C1.2	25	1	C1.2-25-06	Căn hộ ở	64.7	59.1
464	C1.2	25	1	C1.2-25-07	Căn hộ ở	67.0	60.9
465	C1.2	25	1	C1.2-25-08	Căn hộ ở	50.2	46.0
466	C1.2	25	1	C1.2-25-09	Căn hộ ở	50.2	46.0
467	C1.2	25	1	C1.2-25-10	Căn hộ ở	50.2	46.0
468	C1.2	25	1	C1.2-25-11	Căn hộ ở	50.2	46.0
469	C1.2	25	1	C1.2-25-12	Căn hộ ở	44.4	40.7
470	C1.2	25	1	C1.2-25-13	Căn hộ ở	40.8	37.1
471	C1.2	25	1	C1.2-25-14	Căn hộ ở	50.2	46.0
472	C1.2	25	1	C1.2-25-15	Căn hộ ở	67.0	60.9
473	C1.2	25	1	C1.2-25-16	Căn hộ ở	53.6	49.3
474	C1.2	25	1	C1.2-25-17	Căn hộ ở	50.2	46.0
475	C1.2	25	1	C1.2-25-18	Căn hộ ở	50.2	46.0
476	C1.2	25	1	C1.2-25-19	Căn hộ ở	50.2	46.0
477	C1.2	25	1	C1.2-25-20	Căn hộ ở	50.2	46.0
478	C1.2	25	1	C1.2-25-21	Căn hộ ở	50.2	46.0
479	C1.2	25	1	C1.2-25-22	Căn hộ ở	50.2	46.0
Tòa C1.3						29,606.60	27,134.40